

CÂN BẰNG GIỮA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP: KINH NGHIỆM CỦA ẤN ĐỘ VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

Phát triển công nghiệp luôn đi kèm với sức ép ngày càng lớn đối với môi trường, đặt ra yêu cầu phải tìm kiếm mô hình tăng trưởng hài hòa giữa mục tiêu kinh tế và phát triển bền vững. Thông qua phân tích kinh nghiệm của Ấn Độ trong xây dựng thể chế, thực thi pháp luật, phát huy vai trò của tư pháp và xã hội dân sự, bài viết đề xuất một số hàm ý có giá trị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản trị môi trường và phát triển công nghiệp bền vững ở Việt Nam.

1. Vấn đề chính sách đặt ra

Phát triển công nghiệp được thừa nhận rộng rãi là động lực thúc đẩy tiến bộ kinh tế, tạo việc làm và phát triển công nghệ. Là một nền kinh tế đang phát triển, Ấn Độ đã ưu tiên công nghiệp hóa để đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và cải thiện cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này thường đi kèm với cái giá đáng kể đối với môi trường. Việc xả thải công nghiệp chưa qua xử lý, ô nhiễm không khí từ các nhà máy sản xuất, đổ thải chất thải nguy hại và tai nạn hóa chất là một số tác động tiêu cực do sự mở rộng công nghiệp không kiểm soát gây ra.

Khung pháp lý của Ấn Độ cố gắng giải quyết những thách thức này thông qua sự kết hợp giữa các điều khoản hiến pháp, luật pháp và sự can thiệp của tòa án. Hiến pháp Ấn Độ theo Điều 48A quy định Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ môi trường, trong khi Điều 51A(g) đặt ra nghĩa vụ cho công dân. Các luật quan trọng như Luật Bảo vệ Môi trường năm 1986, Luật Phòng ngừa và Kiểm soát Ô nhiễm Nước năm 1974 và Luật Phòng ngừa và Kiểm soát Ô nhiễm Không khí năm 1981 cung cấp các cơ chế quản lý để kiểm soát ô nhiễm và thực thi các tiêu chuẩn môi trường. Ngoài ra, Luật Bảo hiểm Trách nhiệm Dân sự năm 1991 cung cấp bồi thường trong trường hợp tai nạn hóa chất, phản ánh một bước tiến hướng tới việc quy trách nhiệm tài chính cho những người gây ô nhiễm.

Mặc dù có những khung pháp lý này, Ấn Độ vẫn phải đối mặt với những thách thức đáng kể trong việc thực thi. Các cơ quan quản lý như Ủy ban Kiểm soát Ô nhiễm Trung ương (CPCB) và các Ủy ban Kiểm soát Ô nhiễm cấp bang (SPCB) chịu trách nhiệm thực thi nhưng thường thiếu nguồn lực và năng lực kỹ thuật. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), chiếm phần lớn trong ngành công nghiệp, thường hoạt động mà không tuân thủ các quy định an toàn, do đó làm tăng rủi ro môi trường.

Quy trình Đánh giá Tác động Môi trường (EIA) được đưa ra để đánh giá hậu quả môi trường của các dự án công nghiệp. Tuy nhiên, đã có những lo ngại về việc quy trình này chỉ tập trung vào thủ tục và thiếu sự xem xét kỹ lưỡng về mặt nội dung. Sự tham

gia của công chúng, một thành phần quan trọng của quy trình, thường bị hạn chế hoặc không hiệu quả.

2. Kinh nghiệm cân bằng môi trường - phát triển công nghiệp của Ấn Độ

** Tư pháp trong bảo vệ môi trường ở Ấn Độ*

Tại Ấn Độ, ngành tư pháp đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy bảo vệ môi trường, đặc biệt khi có sự trì trệ trong quản lý hoặc sự thực thi yếu kém từ các cơ quan hành pháp. Các phán quyết mang tính bước ngoặt của Tòa án Tối cao Ấn Độ và Tòa án Môi trường Quốc gia (NGT) đã nhiều lần nhấn mạnh rằng phát triển bền vững là một yêu cầu hiến pháp bắt buộc.

Một trong những nguyên tắc tư pháp đáng chú ý nhất là “Nguyên tắc phòng ngừa”, buộc các cơ quan chức năng và ngành công nghiệp phải ngăn chặn tác hại đến môi trường ngay cả khi không có bằng chứng khoa học thuyết phục. Bên cạnh đó, “Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền” buộc các ngành công nghiệp phải chịu trách nhiệm về thiệt hại môi trường mà họ gây ra và quy định họ phải gánh chịu chi phí phục hồi và bồi thường.

Hoạt động tư pháp tích cực ở Ấn Độ trở nên đặc biệt quan trọng sau thảm họa khí Bhopal (1984), sự kiện đã phơi bày những thất bại nghiêm trọng trong việc quản lý các tiêu chuẩn an toàn công nghiệp. Sau Bhopal, các tòa án đã củng cố sự cần thiết phải có quy định công nghiệp nghiêm ngặt. Tòa án Tối cao đã tự mình xem xét các vấn đề môi trường, ra lệnh áp dụng các biện pháp khắc phục trong một số vụ ô nhiễm nổi tiếng.

Tòa án Môi trường Quốc gia (NGT), được thành lập theo Đạo luật Tòa án Môi trường Quốc gia năm 2010, đã nổi lên như một cơ quan chuyên trách để giải quyết nhanh chóng các tranh chấp môi trường. Tòa án này đã xét xử các vấn đề liên quan đến ô nhiễm công nghiệp, phá rừng và quản lý chất thải nguy hại, buộc các ngành công nghiệp và cơ quan chính phủ phải chịu trách nhiệm về việc không tuân thủ. NGT cũng đã chỉ đạo đóng cửa các ngành công nghiệp gây ô nhiễm, áp đặt các khoản tiền phạt đáng kể và ban hành các hướng dẫn để cải thiện các hoạt động công nghiệp vì lợi ích bền vững môi trường.

Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức trong việc thực thi pháp luật, bao gồm sự chậm trễ trong việc giải quyết vụ án, việc thực thi các phán quyết không nhất quán và thiếu chuyên môn kỹ thuật đầy đủ trong một số trường hợp. Tuy nhiên, xu hướng tư pháp ở Ấn Độ nhấn mạnh sự thừa nhận ngày càng tăng rằng phát triển công nghiệp phải diễn ra hài hòa với việc bảo tồn môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

** Vai trò và can thiệp của Chính phủ*

Chính phủ Ấn Độ đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng giữa yêu cầu phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường thông qua các biện pháp lập pháp, quy định và chính sách. Ở cấp độ lập pháp, Ấn Độ đã ban hành một số luật quan trọng nhằm

điều chỉnh các hoạt động công nghiệp đồng thời bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ Môi trường năm 1986 trao quyền rộng rãi cho chính phủ trung ương để thực hiện các biện pháp bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, kiểm soát các chất độc hại và ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp. Luật Phòng ngừa và Kiểm soát Ô nhiễm Nước năm 1974 và Luật Phòng ngừa và Kiểm soát Ô nhiễm Không khí năm 1981 trao quyền cho Hội đồng Kiểm soát Ô nhiễm Trung ương (CPCB) và các Hội đồng Kiểm soát Ô nhiễm cấp bang (SPCB) để thiết lập các tiêu chuẩn kiểm soát ô nhiễm và giám sát việc tuân thủ của các ngành công nghiệp.

Chính phủ cũng quản lý quy trình Đánh giá Tác động Môi trường (EIA), một công cụ quan trọng để đánh giá các tác động môi trường của các dự án công nghiệp trước khi được phê duyệt. Điều này đảm bảo rằng các dự án phát triển kinh tế chỉ được thực hiện sau khi đánh giá chi tiết về tác động sinh thái tiềm tàng của chúng.

Hơn nữa, các sáng kiến chính sách như Kế hoạch Hành động Quốc gia về Biến đổi Khí hậu (NAPCC) và các chính sách môi trường cấp bang khác nhau nhằm mục đích tích hợp các thực tiễn bền vững vào chiến lược tăng trưởng công nghiệp. Chính phủ thúc đẩy năng lượng tái tạo, các chương trình quản lý chất thải và sử dụng tài nguyên bền vững để giảm thiểu dấu ấn sinh thái của phát triển công nghiệp.

Mặc dù đã có những nỗ lực này, chính phủ vẫn phải đối mặt với những thách thức đáng kể trong việc thực thi. Hạn chế về nguồn lực, sự phân mảnh quy định và áp lực chính trị thường dẫn đến việc thực thi không hiệu quả. Để giải quyết những thiếu sót này, các cải cách chính sách gần đây đã nhằm mục đích hợp lý hóa các quy trình quản lý, giới thiệu các hệ thống giám sát kỹ thuật số và áp dụng các hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các vi phạm môi trường.

** Vai trò của các tổ chức phi chính phủ (NGO)*

Các Tổ chức Phi chính phủ (NGO) đã đóng một vai trò bổ sung quan trọng trong việc thúc đẩy bảo vệ môi trường ở Ấn Độ, đặc biệt là ở những khu vực mà nỗ lực của chính phủ còn thiếu sót. Các NGO hoạt động như những người giám sát, nâng cao nhận thức cộng đồng, vận động thực thi nghiêm ngặt hơn luật môi trường và huy động sự tham gia của cộng đồng.

Các tổ chức như Trung tâm Khoa học và Môi trường (CSE), Greenpeace Ấn Độ và Toxics Link đã tích cực vận động chống lại ô nhiễm công nghiệp, đổ chất thải nguy hại và phá rừng. Các NGO này tiến hành nghiên cứu độc lập, công bố báo cáo và tham gia vào các vụ kiện vì lợi ích công cộng (PIL) để buộc các ngành công nghiệp gây ô nhiễm và các cơ quan chức năng thiếu trách nhiệm phải chịu trách nhiệm.

Các NGO cũng tạo điều kiện cho hành động ở cấp cơ sở bằng cách tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức, thúc đẩy các thực hành nông nghiệp bền vững và giáo dục cộng đồng địa phương về rủi ro của ô nhiễm công nghiệp. Vai trò của họ đặc biệt quan trọng ở những khu vực mà các cộng đồng bị thiệt thòi bị ảnh hưởng không

cân xứng bởi ô nhiễm công nghiệp và thiếu khả năng tiếp cận các cơ chế khiếu nại chính thức.

Ngoài ra, các NGO thường hợp tác với các cơ quan chính phủ để tăng cường thực thi chính sách, tham gia các phiên điều trần công khai về đánh giá tác động môi trường (EIA) và cung cấp chuyên môn kỹ thuật trong việc giám sát tuân thủ môi trường. Bằng cách hoạt động như một tiếng nói độc lập, các tổ chức phi chính phủ đóng vai trò then chốt trong việc thu hẹp khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn, đảm bảo rằng phát triển bền vững môi trường luôn được đặt lên hàng đầu trong chương trình phát triển của Ấn Độ.

Việc cân bằng giữa phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường ở Ấn Độ là một nỗ lực liên tục đòi hỏi sự quản trị thận trọng và sự tham gia tích cực của xã hội dân sự. Khung pháp lý của chính phủ Ấn Độ, được bổ sung bởi vai trò chủ động của các tổ chức phi chính phủ, tạo thành xương sống của sự phát triển bền vững. Để đạt được sự cân bằng sinh thái lâu dài mà không cản trở tiến bộ kinh tế, cần phải liên tục cập nhật luật pháp, các cơ chế quản lý minh bạch và tăng cường sự tham gia của công chúng. Chỉ thông qua cách tiếp cận tích hợp này, Ấn Độ mới có thể duy trì tăng trưởng công nghiệp đồng thời bảo tồn di sản thiên nhiên của mình.

** Triển vọng trong tương lai*

Tương lai của việc cân bằng phát triển công nghiệp với bảo vệ môi trường ở Ấn Độ nằm ở việc áp dụng các phương pháp toàn diện và đổi mới hơn. Các công cụ kỹ thuật số như hệ thống giám sát ô nhiễm thời gian thực và đánh giá rủi ro dựa trên dữ liệu có thể tăng cường tính minh bạch và tuân thủ. Có tiềm năng để phát triển các hướng dẫn đánh giá tác động môi trường nghiêm ngặt và rõ ràng hơn, với các cuộc tham vấn công chúng bắt buộc ở mỗi giai đoạn. Sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa ngành công nghiệp, chính phủ, giới học thuật và xã hội dân sự có thể thúc đẩy văn hóa bền vững. Nghiên cứu sâu hơn nên tập trung vào việc tạo ra các mô hình khả thi về kinh tế cho phép các ngành công nghiệp áp dụng các nguyên tắc kinh tế tuần hoàn, giảm thiểu chất thải và thúc đẩy hiệu quả sử dụng tài nguyên. Các nhà hoạch định chính sách cũng phải tập trung vào việc tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) vào các khung chính sách công nghiệp để đảm bảo sự cân bằng kinh tế và môi trường lâu dài.

3. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm của Ấn Độ và đối chiếu với thực tiễn phát triển tại Việt Nam, có thể thấy hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng: đều là nền kinh tế đang phát triển, chịu áp lực tăng trưởng nhanh, phụ thuộc đáng kể vào công nghiệp và đầu tư hạ tầng, đồng thời đối mặt với suy thoái môi trường ngày càng gia tăng. Việt Nam hiện nay cũng đang đứng trước những vấn đề tương tự như ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn, ô nhiễm nước tại các lưu vực sông, áp lực từ chất thải công nghiệp, cũng như những hạn chế trong thực thi chính sách môi trường và kiểm soát doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực

doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong bối cảnh đó, kinh nghiệm của Ấn Độ gợi mở một số hàm ý chính sách quan trọng như sau:

(i) Hoàn thiện thể chế theo hướng tích hợp môi trường - kinh tế

Một trong những bài học cốt lõi từ Ấn Độ là việc thể chế hóa nguyên tắc phát triển bền vững ở cấp cao nhất, từ hiến pháp đến hệ thống luật chuyên ngành. Việt Nam đã có nền tảng pháp lý tương đối đầy đủ (như Luật Bảo vệ môi trường 2020), tuy nhiên cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng: Tích hợp chặt chẽ hơn các mục tiêu môi trường trong chính sách phát triển công nghiệp và đầu tư; Chuyển từ tư duy “kiểm soát ô nhiễm” sang “phòng ngừa rủi ro môi trường”; Thể chế hóa rõ hơn các nguyên tắc như “người gây ô nhiễm phải trả tiền” và “phòng ngừa”. Điều này giúp tránh tình trạng đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng trong ngắn hạn.

(ii) Tăng cường hiệu lực thực thi và năng lực quản lý môi trường

Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy, vấn đề không chỉ nằm ở thiết kế chính sách mà chủ yếu ở khâu thực thi. Việt Nam hiện cũng gặp tình trạng tương tự: quy định tương đối đầy đủ nhưng thực thi chưa đồng đều giữa các địa phương. Do đó, cần: Nâng cao năng lực cho các cơ quan quản lý môi trường, đặc biệt ở cấp địa phương; Ứng dụng công nghệ số trong giám sát ô nhiễm (quan trắc tự động, dữ liệu thời gian thực); Tăng cường thanh tra, kiểm tra và áp dụng chế tài đủ mạnh đối với vi phạm môi trường; Kiểm soát chặt khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhóm có nguy cơ vi phạm cao.

(iii) Cải cách thực chất công cụ Đánh giá Tác động Môi trường (EIA)

Một điểm hạn chế lớn của cả Ấn Độ và Việt Nam là quy trình đánh giá tác động môi trường còn mang tính hình thức. Hàm ý chính sách là: Chuyển EIA từ “thủ tục phê duyệt” sang “công cụ ra quyết định thực chất”; Nâng cao chất lượng thẩm định, giảm phụ thuộc vào tư vấn; Bắt buộc và nâng cao hiệu quả tham vấn cộng đồng; Tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ quy trình.

(iv) Phát huy vai trò của tư pháp trong bảo vệ môi trường

Một điểm nổi bật của Ấn Độ là vai trò chủ động của hệ thống tư pháp, đặc biệt là Tòa án Tối cao Ấn Độ và Tòa án Môi trường Quốc gia, trong việc bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững. Đối với Việt Nam, cần: Tăng cường vai trò của tòa án trong giải quyết tranh chấp môi trường; Nghiên cứu khả năng thiết lập cơ chế xét xử chuyên trách về môi trường; Mở rộng khả năng khởi kiện vì lợi ích công cộng trong lĩnh vực môi trường; Nâng cao năng lực chuyên môn môi trường cho hệ thống tư pháp.

(v) Thúc đẩy vai trò của xã hội dân sự và cộng đồng

Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy các tổ chức xã hội và cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong giám sát và thực thi chính sách môi trường. Trong khi đó, tại Việt Nam, vai trò này vẫn còn hạn chế. Do đó, cần: Tăng cường cơ chế tham gia của cộng đồng trong quản lý môi trường; Khuyến khích sự phát triển của các tổ chức xã hội trong lĩnh vực môi trường.

vực môi trường; Mở rộng tiếp cận thông tin môi trường cho người dân; Thúc đẩy các sáng kiến cộng đồng về bảo vệ tài nguyên và sinh kế bền vững.

(vi) Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và tuần hoàn

Cả Ấn Độ và Việt Nam đều đối mặt với áp lực từ mô hình tăng trưởng dựa vào tài nguyên. Do đó, cần đẩy mạnh: Phát triển năng lượng tái tạo; Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong sản xuất công nghiệp; Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch; Lồng ghép các mục tiêu Mục tiêu Phát triển Bền vững vào chiến lược phát triển quốc gia.

(vii) Tăng cường phối hợp đa chủ thể và cải thiện quản trị môi trường

Một bài học quan trọng từ Ấn Độ là cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước - doanh nghiệp - xã hội dân sự. Việt Nam cần: Giảm phân mảnh trong quản lý môi trường giữa các bộ, ngành; Tăng tính minh bạch trong cấp phép và giám sát môi trường; Hạn chế tác động của lợi ích nhóm trong thực thi chính sách; Thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa trung ương và địa phương.

(viii) Định hướng dài hạn: tích hợp công nghệ và đổi mới chính sách

Kinh nghiệm tương lai của Ấn Độ cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của công nghệ và dữ liệu trong quản lý môi trường. Việt Nam cần: Ứng dụng hệ thống giám sát môi trường thông minh; Phát triển cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; Áp dụng các công cụ kinh tế như thị trường carbon; Xây dựng chính sách linh hoạt để thích ứng với các thách thức môi trường mới.

4. Kết luận

Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy, thách thức cốt lõi trong cân bằng giữa phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường không nằm ở thiếu khung pháp lý, mà ở khoảng cách giữa quy định và thực thi. Vai trò chủ động của tư pháp (đặc biệt là Tòa án Môi trường Quốc gia Ấn Độ) cùng các nguyên tắc như “phòng ngừa” và “người gây ô nhiễm phải trả tiền” là những công cụ quan trọng để củng cố kỷ cương môi trường. Đối với Việt Nam, hàm ý then chốt là cần chuyển từ “hoàn thiện chính sách” sang “nâng cao hiệu lực thực thi”, đồng thời thúc đẩy cách tiếp cận tích hợp giữa Nhà nước - thị trường - xã hội trong quản trị môi trường. Trong trung và dài hạn, ưu tiên chính sách cần tập trung vào tăng cường năng lực thể chế, minh bạch hóa quy trình quản lý, ứng dụng công nghệ giám sát và thúc đẩy mô hình tăng trưởng xanh. Đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững mà không đánh đổi môi trường.

ThS. Nguyễn Văn Linh

Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi

Tài liệu tham khảo

1. Banarsi Lal. (2026). Balancing Environmental Protection and Sustainable Development. <https://www.dailyexcelsior.com/balancing-environmental-protection-and-sustainable-development/>.

2. Environment (Protection) Act, 1986, Government of India.
https://www.indiacode.nic.in/bitstream/123456789/6196/1/the_environment_protection_act%2C1986.pdf.
3. Jyothsna, C. (2026). Balancing Development with Environmental Protection in India. *International Journal of Professional Studies*, vol. 21(2).
<https://ijps.in/paper.php?id=299>.
4. Mani, M. et al. (2012). India's Economic Growth and Environmental Sustainability: What Are the Tradeoffs?. Policy Research Working Paper; No. 6208. World Bank. <http://hdl.handle.net/10986/12057>.
5. Manufacture, Storage and Import of Hazardous Chemicals Rules, 1989.
<https://nagarikmancha.org/images/MANUFACTURE,%20STORAGE%20AND%20IMPORT%20OF%20HAZARDOUS%20CHEMICAL%20RULES,%201989.pdf>.
6. Ministry of Environment, Forest and Climate Change (MoEFCC), Government of India "National Action Plan on Climate Change (NAPCC)", 2008.
https://cdn.climatepolicyradar.org/navigator/IND/2008/national-action-plan-on-climate-change_e519421f95914b49614d76d4d62f2456.pdf.
7. Ministry of Environment, Forest and Climate Change (MoEFCC), Government of India "Environmental Impact Assessment Notification", 2006 (Amended 2020).
8. Ngô Minh Tuấn. (2024). Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường hiện nay. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*.
<https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/09/20/moi-quan-he-giua-phat-trien-kinh-te-va-bao-ve-moi-truong-hien-nay/>.
9. Nguyễn Tuấn Anh. (2026). Bảo vệ môi trường là trung tâm: Bước đột phá trong tư duy lý luận của Đảng về phát triển bền vững ở Việt Nam. *Tạp chí điện tử lý luận chính trị*. <https://lyluanchinhtri.vn/bao-ve-moi-truong-la-trung-tam-buoc-dot-pha-trong-tu-duy-ly-luan-cua-dang-ve-phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-11449.html>.
10. Parmar, A. et al. (2025). Environmental Protection Vs. Industrial Development: Balancing Economic Growth And Sustainability Under Indian Laws. *International Journal of Environmental Sciences*, 6365-6368.
11. PIB. (2023). Balance between development and environment protection laws.
<https://www.pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=1983682®=3&lang=2>.